

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 23/3/2021

Thống kê thị trường			HOSE	HNX
Index			1,183.45	272.34
% Thay đổi			↓ -0.92%	↓ -0.91%
KLGD (CP)			683,720,105	179,881,236
GTGD (tỷ đồng)			15,415.48	2,749.75
Tổng cung (CP)			1,444,596,700	257,118,700
Tổng cầu (CP)			1,251,275,900	247,174,000

Giao dịch NĐTNN			HOSE	HNX
KL bán (CP)			39,037,833	747,322
KL mua (CP)			38,477,133	873,700
GTmua (tỷ đồng)			1,020.53	18.09
GT bán (tỷ đồng)			1,303.89	9.68
GT ròng (tỷ đồng)			(283.36)	8.41

Tương quan cung cầu		HOSE
---------------------	--	------

Giá trị Giao dịch NĐTNN		HOSE
-------------------------	--	------

Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.09%	17.2	2.9	1.4%
Công nghiệp	↓ -0.71%	18.3	2.6	11.3%
Dầu khí	↑ 1.25%	-	2.0	2.9%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -1.29%	-	5.4	3.3%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.08%	15.3	2.4	0.3%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.88%	18.2	4.4	8.8%
Ngân hàng	↓ -1.55%	11.7	2.3	29.1%
Nguyên vật liệu	↓ -0.49%	17.1	2.3	11.5%
Tài chính	↓ -0.83%	19.6	3.3	29.4%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 0.57%	15.5	2.5	2.0%
VN - Index	↓ -0.92%	18.3	2.9	
HNX - Index	↓ -0.91%	18.2	4.2	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường điều chỉnh trở lại trong phiên hôm nay với thanh khoản gia tăng. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 10,98 điểm (-0,92%) xuống 1.183,45 điểm; HNX-Index giảm 2,5 điểm (-0,91%) xuống 272,34 điểm. Thanh khoản trên hai sàn tăng nhẹ so với phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 18.165 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 863 triệu cổ phiếu, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm 1.540 tỷ đồng. Độ rộng thị trường nghiêng về tiêu cực với 245 mã tăng, 98 mã tham chiếu, 491 mã giảm. Thị trường giảm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay do chịu áp lực bán từ đầu phiên và mạnh dần lên sau đó; về chiều, chỉ số chủ yếu đi ngang do hệ thống đã bị nghiền. Hầu hết các nhóm ngành như ngân hàng, chứng khoán, bất động sản, xây dựng, khu công nghiệp, dầu khí... đều giảm trong phiên hôm nay. Bên cạnh đó, nhiều cổ phiếu lớn như BVH (-0,8%), HPG (-0,3%), MSN (-1,8%), VIC (-0,7%), VNM (-0,6%), VRE (-1,3%), POW (-1,3%), VHM (-0,6%), MWG (-0,7%)... cũng đóng cửa trong sắc đỏ khiến thị trường không còn trụ đỡ. FPT (+0,1%), GAS (+1,4%), DPM (+0,5%), DCM (+2,1%), PLX (+2,1%) là những cổ phiếu lớn giữ được sắc xanh. Nhóm cổ phiếu họ FLC thu hút dòng tiền khá mạnh với hàng loạt mã bứt phá, thậm chí FLC (+7%), KLF (+8,8%), ART (+8,7%) đóng cửa tăng trần.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Thị trường giảm trở lại trong phiên hôm nay khi mà áp lực bán đã áp đảo lực mua ngay từ đầu phiên giao dịch. Rất may là mẫu hình nền trong phiên hôm nay là không thực sự xấu với 1 cây nến búa (hammer) thể hiện việc lực cầu khi chỉ số chính về hỗ trợ MA20 ngày vẫn là tương đối tốt. Trên góc nhìn kỹ thuật, xu hướng trung hạn là tích cực với việc thị trường đang di chuyển trong sóng tăng 5 với target của sóng này là quanh ngưỡng 1.250 điểm có thể đạt được vào nửa đầu tháng 4/2021. Và trong phiên tiếp theo, thị trường có thể sẽ tăng điểm trở lại để thu hẹp khoảng cách tới ngưỡng kháng cự tâm lý quanh 1.200 điểm. Nhà đầu tư trung hạn đã mua vào trước Tết có thể tiếp tục nắm giữ cổ phiếu với kỳ vọng sóng tăng 5 sẽ tiếp tục trong thời gian tới. Nhà đầu tư ngắn hạn đã mua vào trong phiên 9/3 và 10/3 khi thị trường test ngưỡng hỗ trợ MA20 ngày nếu chưa chốt lời trong phiên 18/3 và 22/3 có thể tiếp tục canh những nhịp thị trường test ngưỡng 1.200 điểm trong các phiên tiếp theo để chốt lời. Những nhà đầu tư mua vào trong phiên 16/3 và 23/3 khi thị trường điều chỉnh về hỗ trợ MA20 ngày tiếp tục quan sát và có thể canh mua thêm nếu thị trường có nhịp điều chỉnh về hỗ trợ 1.155-1.180 điểm (MA20-50).

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

23/3/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giảm điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay do chịu áp lực bán xuất hiện ngay từ đầu phiên và mạnh dần sau đó, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.177,1 điểm. Về chiều, hệ thống bị nghiền khiến chỉ số đi ngang là chủ yếu. Kết phiên, VN-Index giảm 10,98 điểm (-0,92%) xuống 1.183,45 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VCB giảm 1.200 đồng, BID giảm 950 đồng, TCB giảm 850 đồng. Ở chiều ngược lại, GAS tăng 1.300 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng nhẹ vào đầu phiên giao dịch, với mức cao nhất trong phiên tại 276,218 điểm. Nhưng ngay sau đó, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số giảm xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 269,493 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 2,5 điểm (-0,91%) xuống 272,34 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: SHB giảm 400 đồng, BAB giảm 700 đồng, THD giảm 1.200 đồng. Ở chiều ngược lại, IDC tăng 1.700 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

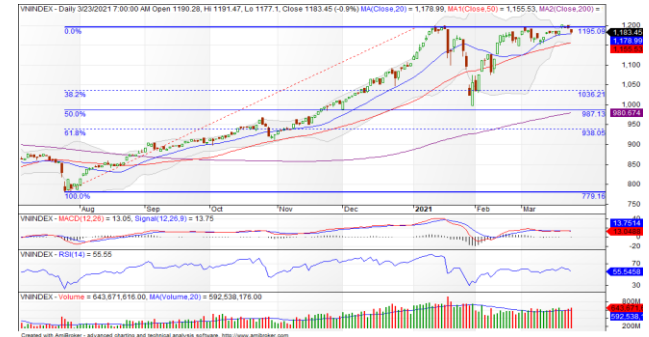
Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 288,24 tỷ đồng. VNM là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 187,5 tỷ đồng tương ứng với 1,9 triệu cổ phiếu, tiếp theo là CTG với 76,6 tỷ đồng tương ứng với 1,9 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, MSB là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 107,4 tỷ đồng tương ứng với 5 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 8,47 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 128 nghìn cổ phiếu. PVS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 8,2 tỷ đồng tương ứng với 349 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là VCS với 1,9 tỷ đồng tương ứng với 20,7 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, TNG là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 3,1 tỷ đồng tương ứng với 127,5 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:





TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước tăng

Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 55,2 - 55,55 triệu đồng/lượng, tăng 150.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 50.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.

Tỷ giá trung tâm giảm 7 đồng

Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 23/3 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.197 VND/USD, giảm 7 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới tăng

Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 0,35 USD/ounce tương ứng với 0,02% lên 1.738,45 USD/ounce.

Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng

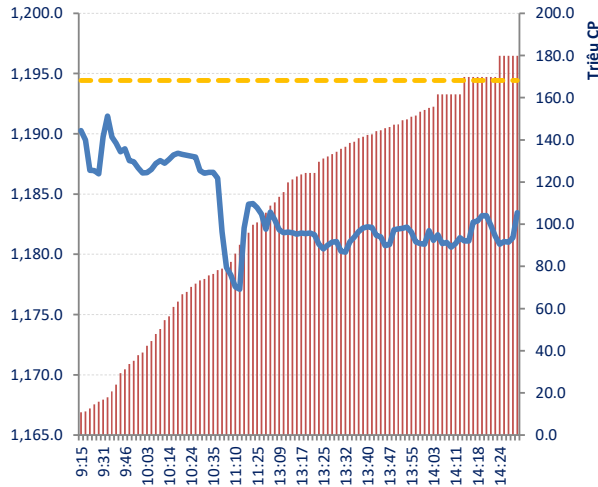
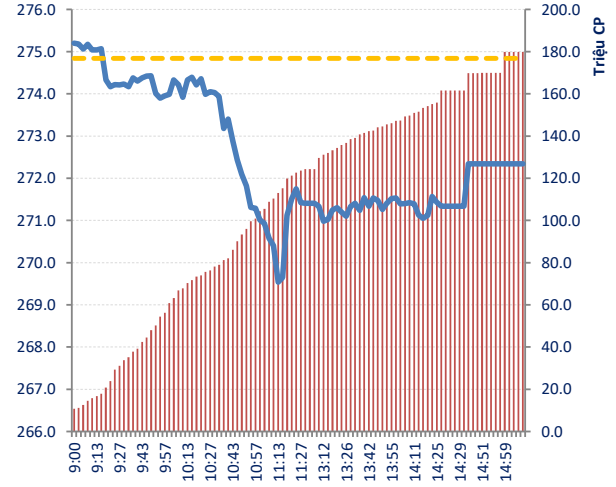
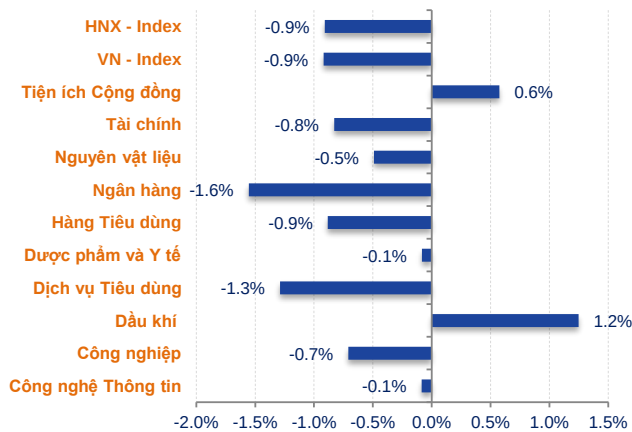
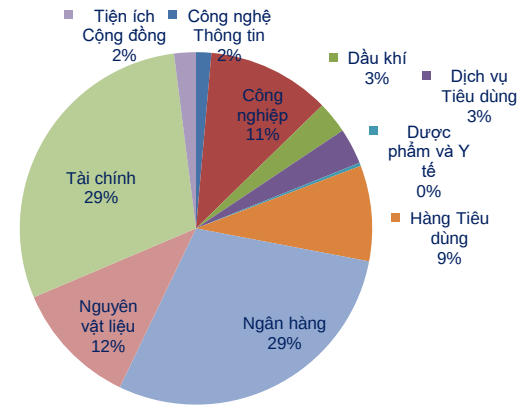
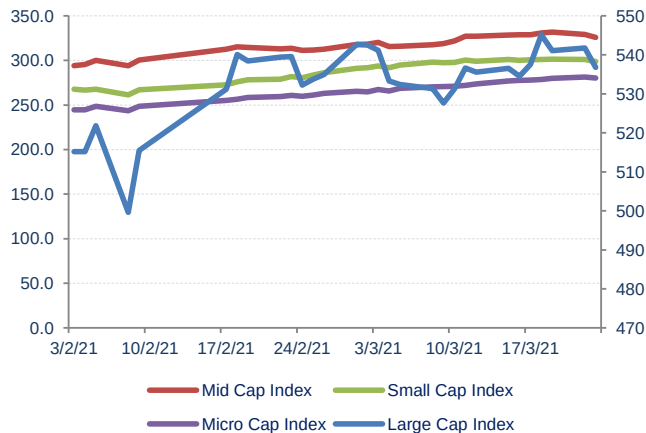
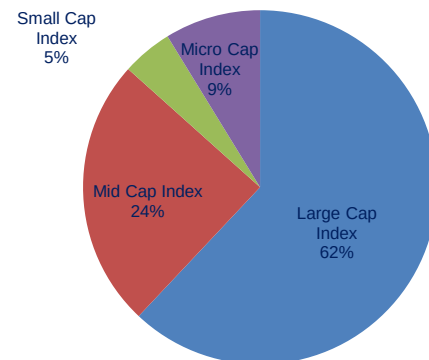
Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,311 điểm tương ứng 0,34% lên 92,052 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1897 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3809 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 108,77 JPY.

Giá dầu thế giới giảm

Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 1,07 USD/thùng tương ứng với 1,74% xuống 60,5 USD/thùng.

Chứng khoán Mỹ tăng điểm

Kết thúc phiên giao dịch ngày 22/3, chỉ số Dow Jones tăng 103,23 điểm tương ứng 0,32% lên 32.731,2 điểm; chỉ số Nasdaq tăng 162,31 điểm tương ứng 1,23% lên 13.377,54 điểm; chỉ số S&P 500 tăng 27,49 điểm tương ứng 0,7% lên 3.940,59 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH
KLGD và VN-Index trong phiên

KLGD và HNX-Index trong phiên

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MSB	4,991,900	CTG	1,878,200
2	MBB	3,197,200	VNM	1,872,000
3	E1VFN30	1,594,200	POW	1,774,900
4	ACB	1,404,600	DXG	672,700
5	FUEVFN30	1,267,200	STB	644,100

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	348,700	TNG	127,500
2	KLF	76,800	ART	115,600
3	SHS	50,200	PPS	69,300
4	VTV	30,000	HOM	57,644
5	SHB	25,300	BVS	43,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	8.58	9.18	↑ 6.99%	45,073,300
ROS	4.30	4.45	↑ 3.49%	33,671,000
STB	19.20	18.80	↓ -2.08%	25,297,500
MSB	22.00	21.50	↓ -2.27%	21,889,400
HQC	3.16	3.05	↓ -3.48%	18,758,900

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	19.20	18.80	↓ -2.08%	38,342,315
HUT	6.00	6.30	↑ 5.00%	21,368,322
KLF	3.40	3.70	↑ 8.82%	18,866,700
ART	6.90	7.50	↑ 8.70%	10,273,294
SHS	28.80	28.20	↓ -2.08%	10,147,916

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HOT	32.90	35.20	2.30	↑ 6.99%
FLC	8.58	9.18	0.60	↑ 6.99%
VDP	35.80	38.30	2.50	↑ 6.98%
DAH	5.87	6.28	0.41	↑ 6.98%
FUCVREIT	7.90	8.45	0.55	↑ 6.96%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NGC	4.00	4.40	0.40	↑ 10.00%
HMH	12.00	13.20	1.20	↑ 10.00%
PBP	9.00	9.90	0.90	↑ 10.00%
VNT	66.10	72.70	6.60	↑ 9.98%
KTT	15.20	16.70	1.50	↑ 9.87%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
RIC	19.50	18.15	-1.35	↓ -6.92%
SGR	38.30	35.65	-2.65	↓ -6.92%
NHA	47.00	43.75	-3.25	↓ -6.91%
CMV	17.45	16.25	-1.20	↓ -6.88%
TMS	59.80	55.70	-4.10	↓ -6.86%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LBE	31.10	28.00	-3.10	↓ -9.97%
BTW	39.20	35.30	-3.90	↓ -9.95%
VE4	29.80	26.90	-2.90	↓ -9.73%
DTD	41.50	37.50	-4.00	↓ -9.64%
CJC	18.70	16.90	-1.80	↓ -9.63%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	45,073,300	1.3%	225	38.1	0.5
ROS	33,671,000	3250.0%	4	1,203.9	0.4
STB	25,297,500	9.6%	1,487	12.9	1.2
MSB	21,889,400	12.7%	1,714	12.8	1.5
HQC	18,758,900	0.2%	20	156.9	0.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	38,342,315	12.3%	1,552	12.4	1.4
HUT	21,368,322	-7.6%	(875)	-	0.5
KLF	18,866,700	0.1%	13	267.0	0.3
ART	10,273,294	0.1%	16	426.2	0.6
SHS	10,147,916	25.5%	3,639	7.9	1.9

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HOT	↑ 7.0%	-26.0%	(3,140)	-	3.4
FLC	↑ 7.0%	1.3%	225	38.1	0.5
VDP	↑ 7.0%	11.3%	3,662	9.8	1.0
DAH	↑ 7.0%	-9.7%	(979)	-	0.6
UCVREI	↑ 7.0%	N/A	N/A	N/A	N/A

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
NGC	↑ 10.0%	-2624.4%	(7,179)	-	-
HMH	↑ 10.0%	7.2%	1,319	9.1	0.7
PBP	↑ 10.0%	9.0%	1,160	7.8	0.7
VNT	↑ 10.0%	-4.8%	(808)	-	4.2
KTT	↑ 9.9%	3.1%	357	42.5	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	4,991,900	12.7%	1,714	12.8	1.5
MBB	3,197,200	18.4%	2,985	9.6	1.6
1VFN3	1,594,200	N/A	N/A	N/A	N/A
ACB	1,404,600	24.3%	3,557	9.4	2.0
UEVFN	1,267,200	N/A	N/A	N/A	N/A

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	348,700	5.0%	1,357	17.5	0.9
KLF	76,800	0.1%	13	267.0	0.3
SHS	50,200	25.5%	3,639	7.9	1.9
VTV	30,000	0.5%	65	92.1	0.5
SHB	25,300	12.3%	1,552	12.4	1.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	362,935	4.0%	1,488	72.1	2.7
VCB	359,761	20.5%	4,974	19.5	3.6
VHM	326,649	36.1%	8,463	11.7	3.6
VNM	210,668	35.0%	5,313	19.0	6.3
BID	179,583	8.9%	1,740	25.7	2.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	70,000	61.8%	8,755	22.8	13.2
SHB	33,610	12.3%	1,552	12.4	1.4
BAB	21,609	7.3%	839	36.4	2.6
VCS	14,688	39.1%	9,073	10.1	3.8
PVS	11,376	5.0%	1,357	17.5	0.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HTN	2.21	41.0%	10,754	4.4	1.8
KSB	2.20	22.3%	4,960	7.2	1.5
GVR	2.19	8.4%	1,070	27.8	2.3
EVG	2.18	2.7%	285	36.8	0.9
AGR	2.15	4.8%	458	26.8	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
LUT	2.55	0.0%	5	1,146.0	0.5
WSS	2.49	2.0%	206	31.0	0.6
VIG	2.48	-2.0%	(113)	-	0.9
BVS	2.48	7.2%	1,839	12.5	0.9
TDT	2.47	9.7%	1,127	13.1	1.2



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn